

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99 /2019/DS-PT.

Ngày : 25-9-2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử
dụng đất; hủy quyết định cá
biệt và thừa kế tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Quyết

Các thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc

Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang:

Ông Nguyễn Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2019/TLPT- DS ngày 24 tháng 6 năm
2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/TLPT- DS ngày 09 tháng 5 năm 2019
của Tòa án nhân dân thành phố BG bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2019/QĐ-PT ngày
31/7/2019 và Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số 50/2019/QĐ-PT ngày 06/9/2019
giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 22, tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, thành phố BG, tỉnh
Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

- **Bị đơn:**

1. Anh Ngô Văn Ph1, sinh năm 1980

2. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn LS, xã TD, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (có mặt tại phiên tòa).

3. Ông Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1949

4. Bà Lê Thị H3, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: Số nhà 26, tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch1, bà H3 là anh Ngô Văn Ph1, sinh năm 1980(có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1969

2. Ông Hoàng Văn Tr1, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Số nhà 27, tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Mạnh H5, sinh năm 1953

4. Bà Nguyễn Thị Qu2, sinh năm 1956

5. Chị Nguyễn Thị Ng4, sinh năm 1977

6. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1979

7. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Số nhà 02, đường Anh Thơ 2, tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (Điều vắng mặt tại phiên tòa).

8. Ông Nguyễn Văn Ch2, sinh năm 1963

9. Bà Nguyễn Thị Ph4, sinh năm 1969

10. Anh Nguyễn Văn H6, sinh năm 1989

11. Anh Nguyễn Văn Th5, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Số nhà 19, tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. (Điều vắng mặt tại phiên tòa).

12. Bà Nguyễn Thị Th6, sinh năm 1957.

13. Anh Nguyễn Văn B6, sinh năm 1983.

14. Anh Nguyễn Văn L6, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số nhà 28, tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Biên, anh L6 là bà Nguyễn Thị Th6, sinh năm 1957 (Bà Thành có mặt tại phiên tòa).

15. Bà Nguyễn Thị D6, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn ThTr, xã DTr, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

16. Bà Nguyễn Thị D6, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Ninh, phường HVT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

17. Ông Nguyễn Văn Chiêu, sinh năm 1954

Địa chỉ: Số nhà 10, tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ch1 là bà Nguyễn Thị H7, sinh năm 1957 (bà H7 có mặt tại phiên tòa).

18. Ủy ban nhân dân phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T7- Địa chính phường DK (có đơn xin xét xử vắng mặt).

19. Ủy ban nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T8- Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố BG (có đơn xin xét xử vắng mặt).

20. Văn phòng Công chứng Thiên Long

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình T9- Trưởng văn phòng.

Địa chỉ: Số 14, đường Hoàng Văn Thụ, phường HVT, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

21. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang B3- Phó Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố BG (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:**

- Bà Giáp Thị V5 - Luật sư trợ giúp pháp lý, Văn phòng Luật sư Kim Vĩnh An thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang - Là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Ch1.

Địa chỉ: Số 99, đường Hùng Vương, phường Ngô Quyền, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang (có mặt ngày 06/9 và vắng mặt ngày 25/9/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H1 trình bày: Anh được ông Nguyễn Văn Ch1 và bà Lê Thị H3 nhận nuôi từ nhỏ, ông Ch1, bà H3 có anh và chị Nguyễn Thị H2 là con.

Anh không có giấy tờ gì thể hiện anh là con nuôi của ông Ch1, bà H3. Trong giấy khai sinh của anh không thể hiện gì ông Ch1, bà H3 là bố mẹ nuôi của anh. Năm 2001, anh xây dựng gia đình riêng, sau khi cưới vợ hai vợ chồng ở chung cùng với ông Ch1, bà H3, đến năm 2004 anh ra ở riêng tại địa chỉ hiện nay. Nhà đất hiện anh đang ở là của ông Ch1, bà H3 chia cho anh khi anh ra ở riêng. Ngoài ra ông Ch1, bà H3 có chia cho anh bốn thửa ruộng, gồm thửa ở Đồng Vực, diện tích là 84 m²; thửa Đồng quan con, diện tích là 96 m²; thửa Bãi làng, diện tích 192 m²; thửa rau xanh diện tích 60 m². Đối với những thửa ruộng trên Nhà nước thu hồi đến nay anh không còn thửa nào, khi nhận tiền đền bù ông Ch1, bà H3 có đưa cho anh đến nay khoảng 70.000.000 đồng. Những lời khai trước anh có khai là còn một thửa anh đang canh tác, nhưng đến nay một thửa ruộng của anh Nhà nước cũng đã thu hồi hết, hiện đến thời điểm này anh không còn thửa ruộng nào.

Đối với diện tích ruộng của bố mẹ anh đến nay còn bao nhiêu và được chia ruộng như thế nào anh không rõ. Nhà nước thu hồi diện tích ruộng của bố mẹ anh như thế nào anh cũng không rõ vì thu hồi rất nhiều lần. Nhà nước thu hồi đất ruộng năm 2008 thì được đất tiêu chí còn những lần thu hồi sau không được đất tiêu chí. Diện tích đất bị thu hồi năm 2008 là 874,1 m², theo quy định bị thu hồi 1.500 m² đất nông nghiệp thì được một lô đất tiêu chí. Diện tích đất nông nghiệp trên gia đình anh có ghép với gia đình ông Chung, bà H4, ông H5 để đủ 1.500m² đất nông nghiệp để được một lô đất tiêu chí. Sau khi ghép diện tích đất nông nghiệp các hộ đã được bốc thăm 01 lô đất ở. Lô đất ở mà các hộ bốc thăm có diện tích là 77,6m², trong diện tích lô đất này, gia đình anh có khoảng 40 m² đất tương đương với phần diện tích ruộng gia đình anh bị thu hồi. Lô đất ở trên các hộ đã làm thủ tục chuyển nhượng cho anh Ngô Văn Ph1.

Tổng diện tích ruộng của gia đình anh, lao động chính có bố anh là ông Nguyễn Văn Ch1, mẹ anh là bà Lê Thị H3 được chia 1 định suất, còn anh, ông nội anh là cụ Nguyễn Văn Chung và em gái anh là chị Nguyễn Thị H2 là lao động phụ được 0,7 định suất ruộng. Tổng diện tích ruộng của gia đình anh theo giấy chứng nhận là 2.184 m², bao gồm 05 người như anh trình bày ở trên, diện tích ruộng cụ thể của từng người như thế nào anh chưa tính ra cụ thể.

Anh khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2366/2016/HĐGD đối với 50,73m² thuộc lô đất số 35-N02. Tổng diện tích 77,6m² tại khu dân cư phía nam, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà

Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 và anh Ngô Văn Ph1 được xác lập ngày 28/12/2016 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu. Anh không yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 3058/2017/HĐGD ngày 02 tháng 11 năm 2017 giữa ông Nguyễn Văn Ch2, bà Nguyễn Thị Ph4, anh Nguyễn Văn H6, anh Nguyễn Văn Th5 với anh Ngô Văn Ph1, vì hợp đồng chuyển nhượng này không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh.

Anh đề nghị Tòa án tuyên hủy nội dung Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố BGxác nhận chỉnh lý biến động ngày 10/11/2017 đối với 50,73 m2 đất thuộc thửa đất số lô 35-N02 sang tên anh Ngô Văn Ph1 tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD517324 do UBND thành phố BG cấp ngày 21/7/2016 mang tên “Hộ ông Nguyễn Văn Ch1, hộ ông Nguyễn Văn Ch2, hộ bà Nguyễn Thị H4, hộ ông Nguyễn Mạnh H5”.

Đối với yêu cầu chia thừa kế của các cô chú em bố anh là ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, anh Nguyễn Văn B6 và anh Nguyễn Văn L6 yêu cầu chia giá trị đất tiêu chí của ông nội anh là cụ Nguyễn Văn Chung được hưởng chia đều cho 5 người con của ông nội anh, mỗi người được hưởng là 30,1 m2 đất tương đương với số tiền là 61.000.000 đồng, anh không có ý kiến gì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác

Tại phiên tòa anh H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày

+ Tại bản tự khai, quá trình tiến hành tố tụng ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3 cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3 là anh Ngô Văn Ph1 trình bày: Ông bà có hai người con Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị H2. Anh Nguyễn Văn H1 là con nuôi của vợ chồng ông bà, vợ chồng ông bà nhận anh H1 làm con nuôi từ lúc anh H1 mới sinh ra, thời điểm nhận anh H1 làm con nuôi, vợ chồng ông bà không làm thủ tục nhận nuôi con nuôi, đến khi có Luật nuôi con nuôi năm 2011 vợ chồng ông bà cũng không đi làm thủ tục nhận anh H1 làm con nuôi. Vợ chồng ông bà chủ yếu làm nông nghiệp, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Giang cấp ngày 15/10/1993, thì gia đình ông bà được quyền sử dụng 2.184 m2 đất nông nghiệp. Thời điểm cấp giấy chứng nhận trên gia đình ông bà có 05 người, bao gồm ông là Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, bố là cụ Nguyễn Văn Chung, con

là Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị H2. Theo như sổ chia ruộng, gia đình ông bà có hai lao động chính và ba lao động phụ. Lao động chính có ông bà, mỗi vợ chồng được 1 định suất, còn lao động phụ có cụ Chung và hai con mỗi người được 0,7 định suất. Diện tích cụ thể của một định suất là bao nhiêu ông bà không nhớ rõ, ông bà chỉ biết làm theo như giấy chứng nhận đã được cấp. Từ năm 2009 đến nay Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của gia đình ông bà để làm dự án, hiện nay gia đình ông bà còn khoảng hơn 400m² đất nông nghiệp, gia đình ông bà vẫn đang canh tác. Năm 2001, anh H1 xây dựng gia đình, vợ chồng ông bà có giao cho anh H1 4 thửa đất nông nghiệp tại các xứ đồng gồm: Xứ đồng Quan 02 thửa, một thửa 04 thước, 01 thửa 03 thước; xứ Bãi Làng 01 thửa, 08 thước; xứ Đồng Gục 01 thửa, 03 thước. Tổng diện tích đất nông nghiệp khoảng hơn 500 m². Đối với diện tích đất ông bà giao cho anh H1 canh tác, Nhà nước thu hồi ba thửa còn 01 thửa ở xứ Đồng Gục anh H1 đang canh tác. Đối với những thửa của anh H1 khi Nhà nước thu hồi, ông bà lấy tiền được đền bù và đưa trả cho anh H1 ngay, số tiền ông bà nhận đền bù đối với số ruộng của anh H1, ông bà đưa trả lại cho anh H1 khoảng hơn 100 triệu, ông bà không nhớ chính xác.

Bố ông Ch1 là cụ Nguyễn Văn Chung, mẹ ông Ch1 là cụ Nguyễn Thị Sáu, bố mẹ ông Ch1 có 05 người con gồm: ông là Nguyễn Văn Ch1; ông Nguyễn Văn Chiểu; ông Nguyễn Văn Hiểu; bà Nguyễn Thị D6; bà Nguyễn Thị D6. Khi còn sống cụ Nguyễn Văn Chung ở với vợ chồng ông bà từ khi ông bà xây dựng gia đình năm 1969 đến khi cụ Chung chết, thời gian cụ Chung ở với vợ chồng ông bà thì ruộng của cụ Chung do vợ chồng ông bà canh tác, đến khi cụ Chung chết thì suất ruộng của cụ Chung vẫn do vợ chồng ông bà canh tác, các em ông Ch1 không ai có tranh chấp gì. Thời điểm Nhà nước thu hồi đất vợ chồng ông bà là người đứng ra kê khai và nhận tiền đền bù các em ông Ch1 không ai có tranh chấp và khiếu kiện gì.

+ Đối với các yêu cầu khởi kiện của anh H1 về tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2366/2016/HĐGD ngày 28/12/2016 và hủy nội dung Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố BG xác nhận chỉnh lý biến động tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vợ chồng ông bà không nhất trí vì những lý do ông bà đã trình bày trên

+ Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Chiểu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, anh Nguyễn Văn B6 và anh Nguyễn Văn L6 yêu cầu chia giá trị đất tiêu chí của cụ Nguyễn Văn Chung được hưởng chia đều cho 5 người con,

mỗi người được hưởng là 30,1 m² đất tương đương với số tiền là 61.000.000 đồng, ông bà không đồng ý đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của vợ chồng ông bà.

Tại phiên tòa, anh Ngô Văn Ph1 đại diện theo ủy quyền của ông Ch1, bà H3 trình bày: Ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3 không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh H1, và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6. Trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 với anh là vô hiệu, ông Ch1, bà H3 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

+ Tại bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H2 và anh Ngô Văn Ph1 trình bày: Chị H2 trình bày: Bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn Ch1 và bà Lê Thị H3, bố mẹ chị sinh ra được một mình chị là Nguyễn Thị H2, còn anh Nguyễn Văn H1 là con nuôi của bố mẹ chị, khi nhận nuôi anh H1 chị có nghe bố mẹ chị nói là không có giấy tờ gì nhận nuôi con nuôi. Năm 2001 anh H1 lấy vợ, đến năm 2002 anh H1 ra ở riêng, bố mẹ chị đã chia ruộng cho anh H1 được chia 04 thửa ruộng trong số ruộng mà bố chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993 tại các xứ đồng Quan con, Đồng Giục, Bãi Làng, Quan to anh H1 canh tác từ đó đến nay. Diện tích ruộng anh H1 đang canh tác một phần được Nhà nước thu hồi, anh H1 lấy tiền đền bù, còn lại một phần ruộng anh H1 vẫn đang canh tác. Đối với diện tích ruộng của bố chị hiện tại còn khoảng 21 thước chưa bị Nhà nước thu hồi, bố mẹ chị vẫn đang canh tác.

Anh Ph1 trình bày: Anh xây dựng gia đình với chị H2 đầu năm 2001, sau khi xây dựng gia đình chị H2 về nhà anh sinh sống, do anh H1 đòi ra ở riêng vì vậy vợ anh là chị H2 lại về ở với bố mẹ vợ anh để làm ruộng chăm sóc bố mẹ vợ anh. Bố mẹ vợ anh đã ủy quyền cho anh tham gia giải quyết vụ kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H1 vợ chồng anh chị không nhất trí, vì khi anh H1 lấy vợ đã được bố mẹ anh chị chia ruộng. Đối với diện tích đất nông nghiệp bố anh chị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.184 m². Diện tích đất nông nghiệp cụ thể của bố anh chị đã thu hồi như sau: Năm 2008, Nhà nước thực hiện dự án khu dân cư phía Nam đã thu hồi 882, m² đất nông nghiệp (cả hai đợt); Năm 2014, Nhà nước thực hiện dự án Quốc lộ 1A Hà Nội - Bắc Giang đã thu hồi 190,7 m² đất nông

nghiệp; Năm 2015, Nhà nước thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội- Bắc Giang BOT đường gom Thanh niên đã thu hồi 174,6 m² đất nông nghiệp; Năm 2016, Nhà nước thực hiện dự án khu đô thị Bách Việt đã thu hồi 658,5 m² đất nông nghiệp; Năm 2017, Nhà nước thực hiện dự án Khu thể thao Xương Giang đã thu hồi 192 m² đất nông nghiệp.

Trong số diện tích đất thu hồi trên có cả diện tích ruộng mà bố mẹ anh chị đã cho anh H1, phần của anh H1, anh H1 nhận tiền, còn phần của bố mẹ anh chị, bố anh chị là người nhận. Những lần thu hồi trên thì duy nhất năm 2008 Nhà nước thu hồi được hưởng đất tiêu trí.

Hiện tại bố mẹ anh chị chỉ còn khoảng 500 m² đất nông nghiệp đang canh tác. Tại phiên tòa anh Ngô Văn Ph1 trình bày: Năm 2016 anh có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2366/2016/HĐGD ngày 28/12/2016 với ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2, thời điểm anh ký hợp đồng anh mua 330.000 đồng/1m² đất nông nghiệp bị thu hồi được hưởng tiêu trí. Đến năm 2017, anh ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Văn Ch2, bà Nguyễn Thị Ph4, anh Nguyễn Văn H6, anh Nguyễn Văn Th5. Anh mua của hộ ông Chung là 1.000.000 đồng/1m² đất nông nghiệp bị thu hồi được hưởng tiêu trí. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của anh H1 về tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy nội dung Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố BG xác nhận chỉnh lý biến động tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 với anh là vô hiệu, anh không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Khi anh H1 xây dựng gia đình riêng bố mẹ chị đã chia đất nông nghiệp để anh H1 canh tác, khi Nhà nước thu hồi đền bù được tiền, phần đất nông nghiệp bố mẹ chị chia cho anh H1 được tiền đền bù bố mẹ chị đã trả cho anh H1. Việc bố mẹ chị và chị có ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất tiêu chí được hưởng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của anh H1. Chị không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của anh H1, trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị

H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 với anh Ngô Văn Ph1 là vô hiệu, chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

+ Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D6 trình bày: Bố bà là cụ Nguyễn Văn Chung, mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Sáu, bố mẹ bà có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Ch1; ông Nguyễn Văn Chiêu; ông Nguyễn Văn Hiều; bà Nguyễn Thị D6; bà Nguyễn Thị D6. Khi còn sống bố bà là cụ Nguyễn Văn Chung ở với vợ chồng ông Ch1, mẹ bà ở với ông Nguyễn Văn Hiều. Bố mẹ bà đều đã mất, bố bà mất năm 2007, mẹ bà mất 2002. Tài sản của bố mẹ bà để lại là 4 gian nhà trên diện tích đất ở tại Thôn Nặm, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang. Diện tích ruộng của bố bà được 0,7 định suất được khoảng 220 m². Diện tích ruộng này do vợ chồng ông Ch1 đang quản lý và canh tác, diện tích ruộng này đã cho con rể là anh Ph1, không hỏi ý kiến của anh em bà. Bà chỉ yêu cầu chia phần đất tiêu chí ruộng mà Nhà nước đã lấy, bà không yêu cầu chia tài sản khác. Căn cứ bà yêu cầu chia thừa kế đối với giá trị đất tiêu chí của bố bà là cụ Nguyễn Văn Chung được hưởng chia đều cho 5 người con, mỗi người được hưởng là 30,1 m² đất tương đương với số tiền là 61.000.000 đồng, vì trong lô đất tiêu chí là 77,6m² mà các hộ bán cho ông Ch1, trong đó đất của bố bà là cụ Chung được hưởng là 56 m². Bà yêu cầu được hưởng số tiền 61.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà D6 trình bày: Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh H1, bố mẹ bà sinh được 05 người con như bà đã trình bày, bố mẹ bà không có con nuôi, con riêng nào. Do ông Ch1 là anh cả trong gia đình đã bán hết đất của bố mẹ bà để lại, bà chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bố bà để lại là phần diện tích đất nông nghiệp của bố bà khi Nhà nước thu hồi thời điểm năm 2008-2009 được hưởng tiêu chí, ngoài ra bà không yêu cầu chia thừa kế đối với đất ở và đất nông nghiệp còn lại. Diện tích đất nông nghiệp của bố bà là 0,7 định suất trong diện tích đất nông nghiệp ông Ch1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu được nhận bằng tiền và nhất trí giá đất ở như Hội đồng định giá đã định giá là 19.000.000 đồng/1m². Trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị

Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 với anh Ngô Văn Ph1 là vô hiệu, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

+ Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị D6 trình bày: Bố bà là cụ Nguyễn Văn Chung, mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Sáu, bố mẹ bà có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Ch1; ông Nguyễn Văn Chiêu; ông Nguyễn Văn Hiểu; bà Nguyễn Thị D6 và bà là Nguyễn Thị D6, ngoài ra bố mẹ bà không có con nuôi, con riêng. Khi còn sống bố bà là cụ Nguyễn Văn Chung ở với vợ chồng ông Ch1, mẹ bà ở với ông Nguyễn Văn Hiểu. Bố mẹ bà đều đã mất, bố bà mất năm 2007, mẹ bà mất 2002. Tài sản của bố mẹ bà khi chết để lại là diện tích đất ở tại Thôn Nợm, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang, diện tích đất ở này do ông Ch1 quản lý sử dụng khoảng hơn 500m²; Ông Hiểu được quản lý, sử dụng khoảng 400m². Diện tích đất nông nghiệp bố bà được bao nhiêu m² bà không rõ vì bà lấy chồng năm 1979 và ở nhà chồng tại Thôn ThTr, xã DTr, từ khi lấy chồng đến nay. Đất nông nghiệp của bố bà bị thu hồi là bao nhiêu bà cũng không rõ, đối với đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2018, bà có nộp cho Tòa án là bà không viết, nội dung đơn như thế nào bà không rõ, bà có ký vào cuối đơn. Nội dung đơn trên bà có yêu cầu chia phần đất tiêu chí ruộng mà Nhà nước thu hồi của bố bà là cụ Nguyễn Văn Chung được hưởng chia đều cho 5 người con, mỗi người được hưởng là 30,1 m² đất tương đương với số tiền là 61.000.000 đồng. Bà không biết tính như thế nào để ra được số tiền 61.000.000 đồng để chia thừa kế. Anh Nguyễn Văn H1 là con nuôi của ông Ch1, ông Ch1 không có con đẻ. Đối với yêu cầu của anh H1, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bà Dụ trình bày: Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh H1 và nhất trí yêu cầu như bà Dàn trình bày, trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 với anh Ngô Văn Ph1 là vô hiệu, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

+ Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Chiêu cũng như bà Nguyễn Thị H7 là đại diện theo ủy quyền của ông Ch1 trình bày: Ông yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất tiêu chí ruộng mà Nhà nước thu hồi của bố ông là cụ Nguyễn Văn Chung được

hưởng chia đều cho 5 người con, mỗi người được hưởng là 30,1 m² đất tương đương với số tiền là 61.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị H7 trình bày: Bà đại diện theo ủy quyền của ông Ch1 tham gia tố tụng, bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh H1 và nhất trí yêu cầu như bà Dần đã trình bày, trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 với anh Ngô Văn Ph1 là vô hiệu, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

+ Tại đơn yêu cầu độc lập, bản tự khai và quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 cũng như bà Nguyễn Thị Th6 là đại diện theo ủy quyền của anh Biền, anh L6 trình bày: Bố anh là ông Nguyễn Văn Hiếu là con đẻ của cụ Nguyễn Văn Chung. Ông nội anh là cụ Nguyễn Văn Chung chết, các anh là thừa kế thế vị của bố các anh, các anh đề nghị chia thừa kế đối với phần đất tiêu chí ruộng mà Nhà nước thu hồi của ông nội các anh là cụ Nguyễn Văn Chung được hưởng chia đều cho 5 người con, mỗi người được hưởng là 30,1 m² đất tương đương với số tiền là 61.000.000 đồng. Các anh đề nghị được hưởng phần của bố các anh là ông Nguyễn Văn Hiếu.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Th6 trình bày: chồng bà là ông Nguyễn Văn Hiếu chết năm 2016, gia đình bà có bà và hai con là Nguyễn Văn B6, Nguyễn Văn L6. Do các con bà bận công việc bà đại diện theo ủy quyền của các con bà tham gia tố tụng. Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh H1 và yêu cầu như bà Dần đã trình bày, trường hợp, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 với anh Ngô Văn Ph1 là vô hiệu, bà và các con bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

+ Tại bản tự khai ông Nguyễn Văn Ch2 trình bày: Gia đình ông bị thu hồi 519, 3 m² đất nông nghiệp được hưởng tiêu chí, gia đình ông đã bán cho anh Ngô Văn Ph1 với giá 1.000.000đ/m², gia đình ông đã nhận đủ số tiền 520.000.000 đồng.

+ Đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố BG, ông Nguyễn Thanh T8 trình bày:

* Việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch1: Ngày 13/8/2008, UBND thành phố có Thông báo số 129/TB-UBND về việc chủ trương thu hồi đất để xây dựng khu vực Bệnh viện Đa khoa thành phố BG. Ngày 12/01/2009, bà Lê Thị H3 (vợ ông Nguyễn Văn Ch1) có tờ khai về đất và tài sản trên đất, trong đó có kê khai tổng diện tích 957,5m² đất nông nghiệp nằm trong chỉ giới thu hồi thực hiện dự án. Ngày 28/5/2009, UBND thành phố có Quyết định số 865/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 684/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Khu vực Bệnh viện Đa khoa thành phố thuộc địa bàn xã Dĩnh Kế, thành phố BG. Trong đó hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch1 (Hải) có tổng diện tích thu hồi 553,5m² đất trồng lúa (LUC); tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ là 49.577.400 đồng. Ngày 31/12/2009, UBND thành phố có Quyết định số 2296/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 2501/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kinh phí Phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 1) khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Khu vực Bệnh viện Đa khoa thành phố thuộc địa bàn xã Dĩnh Kế, thành phố BG. Trong đó hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch1 (Hải) có diện tích thu hồi bổ sung tại thửa chung thửa đất số 21, tờ bản đồ số 01 là 26,9m² đất trồng lúa (LUC); tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ bổ sung là 4.359.000 đồng. Hộ ông Nguyễn Văn Ch1 đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng và ký biên bản bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án; chủ đầu tư đã thực hiện việc san lấp mặt bằng để thực hiện dự án.

* Việc giao đất tại lô đất số 35-N02, theo tờ bản đồ quy hoạch phân lô, khu dân cư phía nam phường DK: Ngày 14/11/2013, các hộ ông Nguyễn Văn Ch1, Nguyễn Văn Ch2, Nguyễn Thị Hoè, Nguyễn Mạnh H5 có Biên bản về việc thỏa thuận: Ghép diện tích để giao lô đất, uỷ quyền đại diện định xuất, quyền lợi sau khi được giao đất ở và kinh doanh dịch vụ cho ông Nguyễn Văn Ch1. Ngày 14/11/2013, ông Nguyễn Văn Ch1 có đơn xin giao đất ở và kinh doanh dịch vụ tại Dự án xây dựng HTKT dân cư phía Nam, xã (nay là phường) Dĩnh Kế, thành phố BG và đã được UBND phường DK xác nhận ngày 05/11/2014. Ngày 06/11/2014, UBND phường DK tổ chức rút thăm và lập Biên bản xác nhận kết quả rút thăm số hiệu lô đất trên sơ đồ quy hoạch phân lô Khu dân cư phía Nam phường DK, thành phố BG, trong đó xác nhận bà Lê Thị H3 (vợ ông Nguyễn Văn Ch1) rút thăm lô đất số hiệu 35N02. Ngày 12/4/2016, UBND phường DK có Tờ trình số 40/TTr-UBND về việc xin giao đất ở và kinh doanh dịch vụ (theo tiêu chí 1.500m²/lô) có thu tiền

sử dụng đất cho các hộ có đất nông nghiệp Nhà nước thu hồi để xây dựng Khu dân cư phía nam xã (nay là phường) Dĩnh Kế, trong đó bà Lê Thị H3 (vợ ông Nguyễn Văn Ch1) xin giao đất tại lô 35N02. Ngày 14/4/2016, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố có Tờ trình số 333/TTr-TNMT về việc giao đất ở và kinh doanh dịch vụ cho các hộ gia đình thuộc phường DK có đất nông nghiệp Nhà nước thu hồi, bồi thường GPMB để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Nam phường DK, thành phố BG, trong đó bà Lê Thị H3 (vợ ông Nguyễn Văn Ch1) xin giao đất tại lô 35N02. Ngày 20/4/2016, UBND thành phố có Quyết định số 446/QĐ-UBND về việc giao đất ở và kinh doanh dịch vụ cho các hộ gia đình thuộc phường DK có đất nông nghiệp Nhà nước thu hồi, bồi thường GPMB để xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Nam phường DK, thành phố BG, trong đó bà Lê Thị H3 (vợ ông Nguyễn Văn Ch1) xin giao đất tại lô 35N02.

* Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lô đất số 35-N02, theo tờ bản đồ quy hoạch phân lô, khu dân cư phía nam phường DK: Ngày 13/6/2016, ông Nguyễn Văn Ch1 nộp tiền sử dụng đất theo Thông báo số 102/TB-CCT ngày 16/5/2016 của Chi cục Thuế thành phố. Ngày 17/6/2016, ông Nguyễn Văn Ch1 có đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 35N05 tại khu dân cư phía Nam, và được UBND phường DK xác nhận ngày 17/6/2016. Ngày 21/7/2016, UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ gia đình: ông Nguyễn Văn Ch1, Nguyễn Văn Ch2, Nguyễn Văn Hoè và ông Nguyễn Mạnh H5 tại lô đất số 35N02, theo sơ đồ quy hoạch phân lô thuộc Khu dân cư phía Nam, phường DK, thành phố BG, diện tích 77.6m² đất ở đô thị (ODT).

* Quan điểm vụ việc: Sau khi xem xét hồ sơ đối chiếu với quy định pháp luật tại thời điểm nhận thấy: Việc thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch1; việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại lô đất số 35N05, theo sơ đồ quy hoạch phân lô thuộc Khu dân cư phía Nam, phường DK, thành phố BG là đúng quy định.

+ Đại diện UBND phường DK, thành phố BG trình bày: Về nguồn gốc đất: Năm 1993, hộ ông Nguyễn Văn Ch1 được giao đất nông nghiệp lâu dài bao gồm 05 định xuất: ông Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Văn Ch1 (bố đẻ ông Ch1), bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H1. Năm 2009, Nhà nước thu hồi đất thuộc dự án Khu dân cư phía nam xã (nay là phường DK), đã thu hồi đất nông nghiệp của hộ ông Ch1 và được nhà nước hỗ trợ giao đất ở kinh doanh dịch vụ theo

tiêu chí 1500m²/lô, hộ ông Ch1 đã ghép diện tích 874,1 m² cùng với 03 hộ gia đình khác (gồm hộ ông Nguyễn Văn Ch2 519,3 m²; hộ bà Nguyễn Thị H4 83 m²; hộ ông Nguyễn Mạnh H5 23,6 m²) đủ diện tích 1500m² và được giao lô đất số 35 N02 diện tích 77,6 m², theo sơ đồ quy hoạch Khu dân cư phía nam, phường DK. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh H1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Văn phòng Công chứng Thiên Long trình bày: Ngày 28/12/2016, Văn phòng công chứng Thiên Long nhận được yêu cầu công chứng “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa bên bán là đại diện hộ gia đình ông Nguyễn Văn Ch1, đại diện hộ gia đình bà Nguyễn Thị H4, đại diện hộ gia đình ông Nguyễn Mạnh H5 và bên mua là ông Ngô Văn Ph1. Tài sản mua bán là quyền sử dụng một phần thửa đất tại địa chỉ: Khu dân cư phía Nam, phường DK, thành phố BG, căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CĐ 517324 do UBND thành phố BG cấp ngày 21/7/2016, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất : CH 03637-QĐ số 759/QĐ-UBND. Đây là lô đất tiêu chí do Nhà nước thu hồi đất ruộng để giao đất ở cho các hộ gia đình. Tài sản này hoàn toàn không có tranh chấp, không bị phong tỏa, không bị hạn chế giao dịch, không bị kê biên để đảm bảo thi hành án và cũng không thuộc trường hợp đã có thông báo hay quyết định thu hồi. Như vậy theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn cũng như các văn bản pháp luật liên quan thì đây là một giao dịch hoàn toàn xác thực và hợp pháp. Chủ thể tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, ý chí hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Văn phòng Công chứng Thiên Long công chứng đối với “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, số công chứng 2366/2016/HĐGD, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2016 được thực hiện đúng trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật

* Quá trình giải quyết vụ án anh H1 có đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với thửa đất số Lô 35-N02, tờ bản đồ theo sơ đồ quy hoạch phân lô, địa chỉ thửa đất: Khu dân cư phía Nam, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang: Kết quả thẩm định và định giá tài sản ngày 14/3/2019 cụ thể như sau:

+ Đối với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Đất có các tứ cận tiếp giáp: Phía Tây Bắc giáp đường; Phía Đông Bắc giáp đường; Phía Đông giáp đường; Phía

Đông Nam giáp rãnh nước; Phía Tây Nam giáp thửa đất 119. Tài sản trên đất có nhà cấp II; diện tích xây dựng đồ trần 155,2m²; diện tích lợp mái tôn 43,4 m²; Diện tích chống nóng sát trần 34,2 m².

+ Kết quả định giá:

- Giá đất theo giá Nhà nước 3.000.000 đồng/1 m²

- Giá chuyển nhượng đất thực tế tại địa phương là 19.000.000 đồng/1m²

- Tài sản trên đất trị giá 690.507.600 đồng

+ Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, Tòa án thành phố BGĐã thông báo kết quả cho các đương sự được biết không ai có ý kiến gì.

+ Tòa án đã giao thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị H4; Ông Hoàng Văn Tr1; Ông Nguyễn Mạnh H5; Bà Nguyễn Thị Qu2; Chị Nguyễn Thị Ng4; Anh Nguyễn Văn V1; Chị Nguyễn Thị L2; Bà Nguyễn Thị Ph4; Anh Nguyễn Văn H6; Anh Nguyễn Văn Th5, nhưng các đương sự trên không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải

+ Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

+ Ngày 18/4/2019, Tòa án mở phiên tòa nhưng nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án đã hoãn phiên tòa

+ Tại phiên tòa hôm nay người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

- Ý kiến của ông Triệu Hạnh Hiền: Ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3 ủy quyền cho anh Ph1 là không đúng vì quyền lợi của ông Ch1, bà H3 là đối lập với anh Ph1 . Diện tích đất nông nghiệp gia đình ông Nguyễn Văn Chùng được cấp giấy là tài sản chung của hộ gia đình gồm 5 người, cụ Nguyễn Văn Chùng, ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, anh Nguyễn Văn H1, chị Nguyễn Thị H2. Diện tích đất nông nghiệp 5 người đều bằng nhau, anh H1 có 1/5 diện tích đất nông nghiệp trong diện tích đất nông nghiệp ông Ch1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là chia theo định suất. Anh H1 không ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vi phạm điều cấm của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của anh H1 . Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh H1 về tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công

chứng 2366/2016/HĐGD ngày 28/12/2016 đối với 50,73m² thuộc lô đất số 35-N02. Tổng diện tích 77,6m² tại khu dân cư phía nam, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2, chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 và anh Ngô Văn Ph1 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật; Yêu cầu Tòa án tuyên hủy nội dung Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố BG xác nhận chỉnh lý biên độ ngày 10/11/2017 đối với 50,73 m² đất thuộc thửa đất số lô 35-N02 sang tên anh Ngô Văn Ph1 tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD517324 do UBND thành phố BG cấp ngày 21/7/2016 mang tên “Hộ ông Nguyễn Văn Ch1, hộ ông Nguyễn Văn Ch2, hộ bà Nguyễn Thị H4, hộ ông Nguyễn Mạnh H5”

- Ý kiến của bà Giáp Thị V5: Nhất trí với ý kiến của luật sư Hiền, về việc Tòa án chấp nhận ủy quyền của ông Ch1, bà H3 cho anh Ph1 là không đúng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận các yêu cầu của anh H1 và yêu cầu của bà Dân, bà Dù, ông Chiêu, anh Biền, anh L6 đối với ông Ch1

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 18/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang đã xử :

1. Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 161; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 401, Điều 402, Điều 689, Điều 697, Điều 698 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 105, điểm d khoản 2 Điều 106, Điều 167, Điều 168 Luật đất đai năm 2013 và Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013. Điều 612, Điều 613, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

2. Xử:

2.1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H1 đối với anh Ngô Văn Ph1, chị Nguyễn Thị H2, ông Nguyễn Văn Ch1 và bà Lê Thị H3, cụ thể:

2.1.1. Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 2366/2016/HĐGD ngày 28/12/2016 đối với 50,73m² thuộc lô đất số 35-N02. Tổng diện tích 77,6m² tại khu dân cư phía nam, phường DK, thành phố BG, tỉnh Bắc Giang giữa ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị H4, ông Hoàng Văn Tr1, ông Nguyễn Mạnh H5, bà Nguyễn Thị Qu2,

chị Nguyễn Thị Ng4, anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị L2 và anh Ngô Văn Ph1 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

2.1.2. Yêu cầu Tòa án tuyên hủy nội dung Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố BG xác nhận chỉnh lý biến động ngày 10/11/2017 đối với 50,73 m2 đất thuộc thửa đất số lô 35-N02 sang tên anh Ngô Văn Ph1 tại trang 04 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD517324 do UBND thành phố BG cấp ngày 21/7/2016 mang tên “Hộ ông Nguyễn Văn Ch1, hộ ông Nguyễn Văn Ch2, hộ bà Nguyễn Thị H4, hộ ông Nguyễn Mạnh H5”.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn Chung tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, ông Nguyễn Văn Hiếu.

2.4. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Chung đối với diện tích đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi được hưởng tiêu chí để lại là 149,236 m2 đất nông nghiệp tương đương 7,720 m2 đất ở, giá trị di sản thừa kế là 146.680.000 đồng.

2.5. Buộc ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 phải trích chia cho ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, ông Nguyễn Văn Hiếu mỗi người 29.336.000 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Ông Hiếu đã chết, bà Nguyễn Thị Th6, anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 nhận thay phần của ông Hiếu được hưởng thừa kế.

2.6. Về án phí:

2.6.1. Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001018 ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG

2.6.2. Bà Nguyễn Thị D6 phải chịu 1.466.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Dân đã nộp 1.525.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07162 ngày 04/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

2.6.3. Anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 phải chịu 977.866 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Biên, anh L6 đã nộp 1.525.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000109 ngày 17/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

2.6.4. Ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị Th6 được miễn án phí dân sự sơ thẩm

2.7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Chiêu phải chịu 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị D6 phải chịu 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị D6 phải chịu 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Th6, anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 phải chịu 500.000 đồng chi phí thẩm xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Anh H1 được nhận lại số tiền này khi ông Chiêu, bà Dân, bà Dụ, bà Thành, anh Biên, anh L6 nộp lại.

2.8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22 và 23/5/2019 ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3 và bà Nguyễn Thị H2 là bị đơn kháng cáo một phần bản án. Nội dung kháng cáo: Không đồng ý với phần Chia tài sản thừa kế của bản án số 18/2019/DSST của Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn H1 là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, bà Nguyễn Thị H2 là bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Văn Ch1, bà Nguyễn Thị H3 và bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Ngày 09/5/2019 Tòa án nhân dân Thành phố BG đã xét xử vụ án và tuyên bản án số 18/2019/DSST về Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy quyết định cá biệt và thừa kế tài sản, theo đó đã xác định diện tích đất nông nghiệp của cụ Chung bị thu hồi có trong diện tích 874,1 m² của gia đình tôi bị thu hồi năm 2009 được hưởng tiêu chí là 149,236m² tương đương với 7,720m² đất ở và theo kết quả định giá tài sản của hội đồng định giá do Tòa án nhân dân Thành phố BG thành lập thì giá chuyển nhượng đất ở thực tế ở địa phương tại thời điểm tháng 3.2019 là 19.000.000 đồng/1 m². Nên đã buộc chúng tôi phải trích chia cho ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, ông Nguyễn Văn Hiếu mỗi người 29.336.000 đồng; Do ông Hiếu đã chết nên bà Nguyễn Thị Th6, anh Nguyễn Văn B6 và anh Nguyễn Văn L6 nhận thay phần của ông Hiếu được hưởng thừa kế. Ông Ch1 bà H3 cho rằng; năm 2016 vợ chồng ông bán diện tích đất tiêu chí cho anh Ngô Văn Ph1 là con đẻ của ông bà chỉ được 330/000 đồng/1 m² chứ không được nhiều như hội đồng đã định giá là 19.000.000đ/1 m². Tại thời điểm vợ chồng bà bán đất tiêu chí này thì ông Chiêu, bà Dàn, bà Dụ và ông H3 không hề có ý kiến nào đề nghị chia thừa kế cũng như yêu cầu phân chia tài sản của gia đình đồng thời để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất 35-N02 khu dân cư phía Nam, phường DK, Tp Bắc Giang ông bà đã phải nộp tiền sử dụng đất là 116.400.000 đồng ngày 13/6/2016 vào ngân sách nhà nước nhưng không được tòa Thành phố xem xét để trích trừ cho vợ

chồng bà khi phân chia thừa kế cho các đồng thừa kế, vì không nộp tiền sử dụng đất thì cũng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như hiện nay. Do vậy ông Ch1, bà H3 và chị H2 vẫn giữ nguyên kháng cáo phân chia tài sản thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Phía Nguyên đơn và ông Nguyễn Văn H1 không rút đơn khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngày 11/9/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xác minh tại địa phương (UBND phường DK) về giá thực tế chuyển nhượng của vị trí lô đất 35No2 tại Tổ dân phố Phú Mỹ 2, phường DK, Thành phố BGở thời điểm các bên chuyển nhượng cho nhau vào tháng 6/2016 là 18.400000 đồng/1m2 đồng thời xác định ngày 13/6/2016 ông Ch1 bà H3 đã nộp số tiền 116.400000 đồng vào ngân sách nhà nước để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ch1, bà H3 và chị H2. Sau khi có kết quả xác minh ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản thừa kế và phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, bà Nguyễn Thị H2 thấy:

[1]. Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, ông Nguyễn Văn Chiêu, anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 về yêu cầu chia thừa kế phần đất tiêu chí của cụ Nguyễn Văn Chung trong diện tích đất thu hồi 882,6m2, tiêu chuẩn của cụ Chung là 0,7 định suất tương đương 150,6 m2 đất tiêu chí, chia cho 5 người con mỗi người được hưởng 30,1 m2 đất tiêu chí thì thấy:

[2]. Xét về hàng thừa kế của cụ Chung: Cụ Chung có vợ là cụ Sáu và có các con gồm: ông Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Văn Chiêu, ông Nguyễn Văn

Hiệu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6. Cụ Chung chết năm 2007, cụ Sáu chết năm 2002, ông Hiệu chết năm 2016.

Trước khi chết cụ Chùng không để lại di chúc, do vậy xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chung tại thời điểm mở thừa kế (năm 2007) gồm: ông Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Văn Chiêu, ông Nguyễn Văn Hiệu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6 là phù hợp với quy định tại Điều 611, Điều 613; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự.

[3]. Anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 cho rằng các anh được thừa kế thế vị của bố các anh là ông Nguyễn Văn Hiệu thì thấy: ông Nguyễn Văn Hiệu chết năm 2016, cụ Nguyễn Văn Chung chết năm 2007, ông Hiệu chết sau cụ Chung. Tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ cháu được hưởng...” do vậy, anh Biền anh L6 không phải là thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn Hiệu, nhưng do ông Nguyễn Văn Hiệu chết sau thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Văn Chung, nên bà Thành, anh Biền, anh L6 được nhận thay phần ông Hiệu được hưởng thừa kế của cụ Nguyễn Văn Chung.

[4]. Xác định di sản thừa kế của cụ Chung trong diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông Ch1 bị thu hồi được hưởng tiêu chí: Diện tích đất nông nghiệp ông Ch1 được cấp giấy chứng nhận là 2.184 m², trong đó cụ Chung có 0,7 định suất đất nông nghiệp. Quá trình sử dụng đất Nhà nước đã thu hồi năm đợt, thời điểm thu hồi năm 2009 ông Ch1 bị thu hồi 874,1 m² đất nông nghiệp và được hưởng tiêu chí là 45,22 m² đất ở còn bốn đợt khác thu hồi không được hưởng tiêu chí.

Như vậy, diện tích đất nông nghiệp của cụ Chung bị thu hồi có trong 874,1 m² đất nông nghiệp của gia đình ông Ch1 bị thu hồi năm 2009 được hưởng tiêu chí là 149,236 m² tương đương 7,720 m² đất ở. Bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, ông Nguyễn Văn Chiêu, anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 cho rằng diện tích đất nông nghiệp của cụ Chung được hưởng tiêu chí là 150,6 m² đất tiêu chí, chia cho 5 người con mỗi người được hưởng 30,1 m² đất tiêu chí và yêu cầu được hưởng trị giá bằng tiền là 61.000.000 đồng là không phù hợp.

Đối với diện tích đất nông nghiệp được hưởng tiêu chí, sau khi ghép lô ông Ch1, bà H3, chị H2 đã chuyển nhượng cho anh Ngô Văn Ph1. Do vậy, cần buộc ông Ch1, bà H3, chị H2 phải có trách nhiệm trích chia bằng tiền cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chung là phù hợp với quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 14/3/2019 để giải quyết, thì giá chuyển nhượng đất ở thực tế tại địa phương là 19.000.000 đồng/1 m². Diện tích đất tiêu chí của cụ Chùng là 7,720 m² x 19.000.000 đồng = 146.680.000 đồng. Như vậy, giá trị di sản thừa kế của cụ Chung là 146.680.000 đồng : 5 người con = 29.336.000 đồng.

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tạm ngừng phiên tòa và xác minh thu thập thêm chứng cứ tại địa phương (phường DK, Thành phố BG).

Theo biên bản xác minh ngày 11/9/2019 thì giá chuyển nhượng thực tế ở địa phương tại thời điểm tháng 6/2016 của vị trí lô 35-N02 vào khoảng 1.400.000.000đồng/1 lô tương đương với 18.400.000đồng/1 m².

Hơn nữa việc cụ Chung là người đứng ra nộp tiền (lô ghép của 04 hộ gia đình) ngày 13/6/2016 vào ngân sách nhà nước với số tiền là 116.400.000đồng. Do vậy cũng cần được xem xét phần diện tích 7,720m² đất ở của cụ Chung để giải quyết mới đảm bảo được quyền lợi của các bên đương sự.

Do vậy cần sửa phân chia thừa kế cụ thể như sau:

Diện tích 7,720m²x 18.400.000 đồng=142.048.000đồng; số tiền nộp tiền cụ Chung nộp vào ngân sách nhà nước là 116.400.000đồng chia cho 7,720m²= 1.507.772đồng. Như vậy giá trị di sản thừa kế của cụ Chung là: 142.048.000đồng trừ đi 1.507.772đồng=140.504.228 đồng và đem chia cho 05 người đồng thừa kế = 28.108.045 đồng.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, Nên ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, bà Nguyễn Thị H2, không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, bà Nguyễn Thị H2. Sửa một phần bản án sơ thẩm về Chia tài sản thừa kế và án phí.

Căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 161; Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 401, Điều 402, Điều 689, Điều 697, Điều 698 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 4 Điều 95, khoản 3 Điều 105, điểm d khoản 2 Điều 106, Điều 167, Điều 168 Luật đất đai năm 2013 và Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013. Điều 612, Điều 613, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Xử:

1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn Chung tại thời điểm mở thừa kế gồm: ông Nguyễn Văn Ch1, ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, ông Nguyễn Văn Hiếu.

2. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Chung đối với diện tích đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi được hưởng tiêu chí để lại là 149,236 m² đất

nông nghiệp tương đương 7,720 m² đất ở, giá trị di sản thừa kế là 140.504.228 đồng.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, chị Nguyễn Thị H2 phải trích chia cho ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị D6, ông Nguyễn Văn Hiếu mỗi người 28.108.045 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm không tám nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng). Ông Hiếu đã chết, bà Nguyễn Thị Th6, anh Nguyễn Văn B6, anh Nguyễn Văn L6 nhận thay phần của ông Hiếu được hưởng thừa kế.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm, Nên ông Nguyễn Văn Ch1, bà Lê Thị H3, được miễn án phí Dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H2 số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số AA 0000458 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

-Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh H1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001018 ngày 28/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG

Bà Nguyễn Thị D6 phải chịu 1.405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Dân đã nộp 1.525.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/07162 ngày 04/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

Anh Nguyễn Văn B6 và anh Nguyễn Văn L6 phải chịu 936.934 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Biên, anh L6 đã nộp 1.525.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000109 ngày 17/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố BG.

Ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D6, bà Nguyễn Thị Th6 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

2.7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Chiêu phải chịu 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị D6 phải chịu 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị D6 phải chịu 500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Th6, anh Nguyễn Văn B6 và anh Nguyễn Văn L6 phải chịu 500.000 đồng chi phí thẩm xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Anh H1 được nhận lại số tiền này khi ông Chiêu, bà Dân, bà Dụ, bà Thành, anh Biên, anh L6 nộp lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân Tp Bắc Giang, Bắc Giang;
- Chi cục THADS, Tp Bắc Giang, Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Quyết

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương xuân Lộc

Trần Thị Hà

Đặng Văn Quyết